

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 28 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Chí Sung và bà Nguyễn Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Lệ Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù A P**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/6/1996, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lù A L, sinh năm 1972 và bà Lù Thị S, sinh năm 1973; Vợ: Mè Thị Ph, sinh năm 1994; Có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2023; Bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: không; Tiền án: không. Nhân thân: Bản án số 14/2015/HSST ngày 23/03/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, truy thu số tiền 125.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/01/2018, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và quyết định khác của bản án nên đến ngày 26/01/2020 đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

- Bị hại: Ông Thào A S, sinh năm 1961; nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Vắng mặt”.

- Người làm chứng: Chị Vui Thị C, sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng hơn 12 giờ ngày 25/12/2023, Thào A S, sinh năm 1961, cư trú tại bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 25B1-919.41 của ông để trong nhà bếp, không khóa cửa bị mất trộm nên ông Sử đã bảo con dâu là chị

Vùi Thị C, sinh năm 1988, trú tại bản S, xã S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thành phố L trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra Quyết định truy tìm đối với chiếc xe mô tô HONDA VISION, BKS: 25B1-919.41. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đã phát hiện Lù A P và chiếc xe mô tô nói trên tại Trung tâm y tế huyện Than Uyên và thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố L. Tại Cơ quan Công an, Lù A P tự giác giao nộp chiếc xe máy trộm cắp và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Buổi trưa ngày 25/12/2023, Lù A P một mình đi đến khu vực trại ngựa thuộc bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu tìm chú ruột của P là ông Lù Văn Ngọc, sinh năm 1981, cùng trú tại bản Tẩn Phủ Nhiêu, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu để trao đổi đi tìm việc làm thuê. Đến nơi, P không gặp ông Ngọc nên đi đến nhà ông Thào A S, sinh năm 1961, trú tại bản S, xã S để hỏi thăm. Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi P đến nhà ông Thào A S thì thấy không có ai ở nhà, trong bếp nhà ông Sủ có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen, biển kiểm soát (BKS) 25B1-919.41 của ông Sủ, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên làm phương tiện đi lại. P dắt chiếc xe mô tô BKS: 25B1-919.41 của ông Sủ ra ngoài sân rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô đi đến Trung tâm y tế huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu để thăm mẹ vợ là bà Lò Thị Ang, sinh năm 1971 đang điều trị tại Trung tâm y tế huyện Than Uyên. Tại đây, P bị Cơ quan Công an phát hiện, Lù A P đã thừa nhận hành vi phạm tội và tự giác giao nộp chiếc xe máy trộm cắp của ông Sủ cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố L.

Về các vấn đề khác của vụ án:

- Bị hại ông Thào A S trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt, ông trình bày: Ông là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen, biển kiểm soát (BKS) 25B1-919.41. Đến khoảng hơn 12 giờ ngày 25/12/2023, ông phát hiện bị mất 01 chiếc xe máy nêu trên của ông để trong nhà bếp không khóa cửa, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa xe nên ông báo con dâu là chị Vùi Thị C, sinh năm 1988, trú tại bản S, xã S đến Công an thành phố L trình báo sự việc. Hiện nay ông đã nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng Vùi Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra đều trình bày nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn đen, BKS 25B1-919.41; số khung: RLHJK0333NY004167, số máy: JK03E0204147, xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 29.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSTP ngày 08/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Lù A P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lù A P phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lợi dụng sơ hở của ông Thào A S trong việc quản lý tài sản, khoảng 12 giờ ngày 25/12/2023, tại bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Lù A P đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu sơn đen, BKS 25B1-919.41 của ông S có trị giá 29.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Lù A P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000

đồng”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Nhân thân: Bản án số 14/2015/HSST ngày 23/03/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, truy thu số tiền 125.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/01/2018, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và quyết định khác của bản án nên đến ngày 26/01/2020 đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân xét xử, đã được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục cố ý phạm tội nên cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn đen, BKS 25B1-919.41; số khung: RLHJK0333NY004167, số máy: JK03E0204147 (kèm theo 01 chìa khoá xe). Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của ông Thào A S nên ngày 24/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố L đã trả lại cho ông S, vì vậy Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó đủ điều kiện miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lù A P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lù A P 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

[3] Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Nga